

Số: 212/TTYT-YTCC&ATTP
V/v: Điều tra cơ bản vệ sinh
học đường năm 2024

Long Biên, ngày 05 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: Trạm Y tế 14 phường

Thực hiện Kế hoạch số 79/KH-KSBT ngày 12/01/2024 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội về hoạt động Vệ sinh học đường trên địa bàn Hà Nội năm 2024;

Để thu thập một số thông tin cơ bản về y tế học đường trong các trường học năm 2024, Trung tâm Y tế quận Long Biên đề nghị Trạm Y tế các phường triển khai công tác điều tra cơ bản vệ sinh học đường năm 2024. Cụ thể như sau:

1. Nội dung điều tra:

Điều tra vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường tại các trường học.

Mẫu điều tra: Mẫu 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 (có mẫu điều tra và hướng dẫn điều tra kèm theo).

2. Địa điểm: Toàn bộ các trường từ Mẫu giáo Mầm non đến Trung học phổ thông trên địa bàn (các trường công lập và ngoài công lập).

3. Thời gian thực hiện:

- Thời gian điều tra: Từ ngày 06/3/2024 đến tháng 06/5/2024.

- Số liệu điều tra tập hợp theo mẫu và gửi về Khoa YTCC&ATTP trước ngày 20/5/2024.

Địa chỉ liên hệ: Khoa YTCC & ATTP, Đ/c Đào Đình Quyết – Thư ký chương trình,
ĐT:035.6881688, Email: vstplongbien@gmail.com./

Nơi nhận:

- Nhu kính gửi, (để tl/liệu)
- TTKSBT TP Hà Nội; (để báo cáo)
- BGD TTYT quận Long Biên; (để báo cáo)
- Lưu VT (02)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Quốc

HƯỚNG DẪN
ĐIỀU TRA CƠ BẢN VỆ SINH HỌC ĐƯỜNG NĂM 2024
CÁC TRƯỜNG TỪ MẪU GIÁO – MẦM NON ĐẾN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
(Kèm theo công văn số 212/TTYT-YTCC&ATTP ngày 05 tháng 3 năm 2024)

- Hướng dẫn điều tra cơ bản vệ sinh học đường năm 2024 sử dụng cho phụ lục 1, mẫu 2: Mẫu điều tra cơ bản sử dụng cho tất cả các trường công lập và ngoài công lập:
 - + Trường Mẫu giáo - Mầm non;
 - + Nhóm trẻ (nhóm lớp mẫu giáo mầm non độc lập);
 - + Trường Tiểu học;
 - + Trường Trung học cơ sở;
 - + Trường Trung học phổ thông;
 - + Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp;
 - + Trường Liên cấp.
- Tổng hợp số liệu từng khối trường riêng; công lập, dân lập, nhóm trẻ riêng.

Mẫu 2.1:

- Cột 1: Ghi số thứ tự trường.
- Cột 2: Tên trường: ghi cụ thể tên từng trường.
- Cột 3: Phân loại trường
 - + Trường công lập: ghi số 1
 - + Trường dân lập: ghi số 2
- Cột 4: Trường đạt chuẩn quốc gia: ghi rõ mức chuẩn (VD: mức 1, mức 2...)
Trường chưa đạt chuẩn: ghi không
- Cột 5 + 6: Ban Chỉ đạo Y tế học đường hoặc Ban Chăm sóc sức khỏe: đánh dấu “x” vào cột tương ứng.
- Cột 7: Tổng số học sinh: ghi số lượng học sinh toàn trường tại thời điểm điều tra.
- Cột 8: Tổng số lớp học: ghi số lượng lớp học của nhà trường theo số học sinh.
- Cột 9: Tổng số phòng học: ghi số lượng tất cả các phòng sử dụng cho việc học tập trong nhà trường (bao gồm các phòng học chức năng).
- Cột 10: Tổng số cán bộ, giáo viên: ghi số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên đang làm việc trong nhà trường.
- Cột 11 - 12: Tổ chức ăn bán trú cho học sinh: đánh dấu “ x” vào cột tương ứng.
- Cột 13: Bếp nấu tại trường (bếp do nhân viên nhà trường nấu hoặc hợp đồng với đơn vị khác đến nấu tại trường): Ghi tổng số bếp nấu của tất cả các cơ sở của trường.

- Cột 14: Hợp đồng với đơn vị cung cấp suất ăn sẵn: Nhà trường không tổ chức nấu ăn tại trường mà hợp đồng với đơn vị cung cấp suất ăn sẵn cho học sinh (nếu ở nơi khác vận chuyển đến trường): đánh dấu “x” vào cột tương ứng.
- Cột 15: Số học sinh ăn bán trú tại trường: ghi tổng số học sinh đăng ký ăn bán trú tại trường.

Mẫu 2.2:

- Cột 1: Ghi số thứ tự trường.
- Cột 2: Tên trường: ghi cụ thể tên từng trường.

Lưu ý: Cột 1,2 : ghi số thứ tự và tên trường trùng với mẫu 1

- Cột 3: Phòng Y tế: phòng riêng biệt, chỉ phục vụ công tác y tế (không sử dụng chung với các phòng chuyên môn khác). Đánh dấu “x” nếu trường có phòng Y tế
- Cột 4: Góc sức khỏe: bố trí chung với các phòng chuyên môn khác (phòng thư viện, đoàn đội, hội đồng...). Đánh dấu “x” nếu trường có góc Y tế
- Cột 5 - 7: Cán bộ y tế đang làm việc tại nhà trường: ghi rõ số lượng cán bộ y tế vào các cột tương ứng.
- Từ cột 8 - 13: Trình độ chuyên môn của cán bộ y tế nhà trường: ghi rõ số lượng vào các cột tương ứng. Đối với cột khác: ghi rõ trình độ chuyên môn khác là gì (VD: Nữ hộ sinh, dược, y học cổ truyền...). Đối với cột cán bộ kiêm nhiệm: sử dụng cho các trường không có cán bộ y tế, ghi rõ cán bộ nào kiêm nhiệm (VD: giáo viên, tổng phụ trách, thư viện...)

Lưu ý: Các thông tin thu thập của mẫu 2 đều là thông tin về cán bộ y tế của nhà trường, không điền thông tin cán bộ y tế đang là vị trí việc làm của các đơn vị khác (VD: ký hợp đồng với trạm y tế, trung tâm y tế...).

Mẫu 2.3:

- Cột 1: Ghi số thứ tự trường.
- Cột 2: Tên trường: ghi tên cụ thể từng trường.

Lưu ý: Cột 1,2 : ghi số thứ tự và tên trường trùng với mẫu 1

- Từ cột 3 - 9: Nguồn nước sinh hoạt: đánh dấu “x” vào cột tương ứng với nguồn nước chính mà nhà trường sử dụng cho các hoạt động chung trong nhà trường.
- Cột 3: nguồn nước máy, nước trạm cấp nước tập trung là nguồn nước do các nhà máy nước hoặc các trạm cấp nước cung cấp cho nhà trường.
- Cột 4, 6, 8: tính nguồn nước giếng khoan, giếng khơi (giếng đào), nước mưa có lọc qua cát, sỏi, than...(không tính nước lọc qua thiết bị máy lọc).
- Từ cột 10 - 13: Xét nghiệm nguồn nước: đánh dấu các chỉ tiêu xét nghiệm lý, hóa, vi sinh vật, kết quả xét nghiệm trong vòng một năm tính đến thời điểm điều tra.

- Từ cột 14 - 16: Nước uống cho học sinh: đánh dấu “x” vào cột tương ứng với loại nước mà nhà trường đang sử dụng cho học sinh uống.

Đối với nguồn nước uống qua máy lọc: Tính các thiết bị máy lọc cho nước uống trực tiếp

Mẫu 2.4:

- Cột 1: Ghi số thứ tự trường.

- Cột 2: Tên trường: ghi tên cụ thể từng trường.

Lưu ý: Cột 1,2 : ghi số thứ tự và tên trường trùng với mẫu 1

- Từ cột 3 - 4: Vòi nước rửa tay cho học sinh: đánh dấu “x” vào cột tương ứng.

- Từ cột 5 - 6: Nhà tiêu của giáo viên, học sinh: đánh dấu “x” vào cột tương ứng (trường hợp giáo viên và học sinh dùng chung nhà vệ sinh: Đánh dấu “x” vào cột tương ứng).

- Từ cột 7 - 16: Các loại nhà tiêu: đánh dấu “x” vào cột tương ứng với loại nhà tiêu mà giáo viên/học sinh nhà trường đang sử dụng.

+ Nhà tiêu tự hoại: là nhà tiêu dùng nước để dội sau mỗi lần sử dụng, bể chứa và xử lý phân có 3 ngăn kín, nước thải không thấm ra bên ngoài, phân và nước tiểu được lưu giữ trong bể chứa và được xử lý trong môi trường nước.

+ Nhà tiêu bán tự hoại: là nhà tiêu dùng nước để dội sau mỗi lần sử dụng, bể chứa và xử lý phân có 2 ngăn kín, nước thải không thấm ra bên ngoài, phân và nước tiểu được lưu giữ trong bể chứa và được xử lý trong môi trường nước.

+ Nhà tiêu thấm dội nước: là nhà tiêu dùng nước để dội sau mỗi lần sử dụng; phân và nước trong bể chứa có kẽ hở được thấm dần vào đất.

+ Nhà tiêu hai ngăn là nhà tiêu khô **không sử dụng nước để dội sau mỗi lần đi tiêu**, có hai ngăn để luân phiên sử dụng và ủ phân (một ngăn để sử dụng và một ngăn để ủ).

+ Nhà tiêu một ngăn là loại nhà tiêu khô **không sử dụng nước để dội sau mỗi lần đi tiêu**, chỉ có một ngăn chứa và ủ phân.

- Cột 17 - 18 : Xử lý rác:

Đánh dấu “x” vào cột tương ứng với loại hình thu gom rác chủ yếu mà nhà trường đang thực hiện.

Phụ lục 1 - Mẫu 2.

Mẫu tổng hợp thông tin cơ bản vệ sinh học đường các trường học

TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN LONG B
TRẠM Y TẾ.....

TỔNG HỢP THÔNG TIN CƠ BẢN VỆ SINH HỌC ĐƯỜNG CÁC TRƯỜNG HỌC NĂM 2024

Khối trường:.....

Phần I. Thông tin chung

TT	Tên trường	Phân loại	THÔNG TIN CHUNG												
			Trường đạt chuẩn quốc gia	Ban Chỉ đạo Y tế học đường		Tổng số học sinh	Tổng số lớp học	Tổng số phòng học	Tổng số cán bộ giáo viên	Tổ chức ăn bán trú cho học sinh		Hình thức tổ chức ăn bán trú		Số học sinh ăn bán trú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1															
2															
3															
4															
5															
6															
7															
8															
9															
10															
11															
12															
13															
14															
15															
Tổng cộng															

✓

1/10 - Y TẾ QUẬN LONG B

Phần II. Thông tin về y tế trường học

TT	Tên trường	Có phòng Y tế	Có góc sức khỏe	Cán bộ y tế			Y TẾ						Cán bộ khác kiêm nhiệm công tác y tế (trường không có BHYT)	Có ký hợp đồng với cơ sở y tế
				Có (ghi rõ số lượng)	Không	Bác sỹ	Y sỹ	Điều dưỡng	Chuyên môn khác (ghi rõ)	Cán bộ khác kiêm nhiệm công tác y tế (trường không có BHYT)				
											Biên chế	Hợp đồng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14		
1														
2														
3														
4														
5														
6														
7														
8														
9														
10														
11														
12														
13														
14														
15														
Tổng cộng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

✓



Phần IV. Thông tin về vệ sinh môi trường

TT	Tên trường	Khu vực rửa tay cho học sinh		Nhà tiêu		Loại nhà tiêu giáo viên				Loại nhà tiêu học sinh				Xử lý rác			
		Trong nhà vệ sinh	Khu vực công cộng khác	GV, HS riêng	GV, HS sử dụng chung	Tự hoại, Bán tự hoại	Thảm dội nước	Hai ngăn	Một ngăn	Loại khác (ghi rõ)	Tự hoại, Bán tự hoại	Thảm dội nước	Hai ngăn	Một ngăn	Loại khác (ghi rõ)	Vận chuyển	Chôn đốt
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
9																	
10																	
11																	
12																	
13																	
14																	
15																	
Tổng cộng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Người tổng hợp

....., ngày tháng năm 2024

TRƯỜNG TRẠM Y TẾ